

Bản án số: 31/2017/HSST
Ngày 25-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Minh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trương Lục B, sinh năm 1983; NĐKNKTT: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trương Hoài H và bà Lê Thị C; Anh chị em ruột: 04 người (02 năm, 02 nữ); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/10/2017 đến ngày 28/10/2017 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo bị tạm giam có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Hoài H, sinh năm 1965 (có mặt)

HKTT: Ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 17, kp 5, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trương Lục B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 01/3/2008, Nguyễn Hoàng Y ngụ ấp TH, xã NH, huyện DD, tỉnh Cà Mau, trên đường đi chơi về ngang nhà của anh Trần Văn Đ cùng địa phương thì phát hiện phương tiện là võ Composite dài 9,2m, hiệu “Quốc Dũng” và máy xe loại 3T72 của anh Đ đang đậu dưới bến sông nhà, trên võ còn có 01 bình ắc qui 70A và 02 cây đèn pin, lúc này Y nảy sinh ý định trộm cắp võ, máy trên. Y dùng điện thoại di động gọi cho Trương Lục B ở cùng địa phương, nói là Y sẽ trộm võ, máy của anh Đ và rủ B cùng đi tiêu thụ, B đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Y lấy trộm được võ, máy của anh Đ rồi chạy đến nhà B như đã hẹn. Sau đó, Y và B điều khiển phương tiện trộm được chạy đi tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, Y và B ghé lại một chòi lá ven sông để ngủ, đến sáng 02/3/2008 Y và B đến chợ Tân Tiến thuộc ấp TL A, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

Lúc này, Trương Văn Đ ở cùng địa phương nghe tin anh Đ bị mất võ, máy nên gọi điện cho B, B kêu Đ đến chợ Tân Tiến gặp B và Y. Sau khi gặp nhau, Y nói cho Đ biết là võ, máy của anh Đ do Y lấy trộm và rủ Đ cùng Y, B đi tìm chỗ để tiêu thụ, Đ đồng ý. Nhưng do không tìm được người để bán, nên Đ, Y và B đến nhà rủ Võ Hoàng G ngụ ấp PH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau đi lên quê vợ của G ở ấp MT, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang chơi (*mục đích của Y, Đ và B là tìm người bán võ, máy, nhưng không nói cho G biết*), G đồng ý cùng đi. Đến sáng ngày 03/3/2008, G ở lại nhà vợ của G, còn Đ, Y và B điều khiển cỗ, máy chạy đi bán cho một người không rõ lai lịch với giá 8.000.000đ. Y, Đ và B chia nhau mỗi người được 2.000.000đ, còn 2.000.000đ làm chi phí và cùng nhau tiêu xài.

Sau đó, Y và Đ bị bắt, khởi tố và bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử tại bản án số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009. Còn B bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi truy nã. Đến ngày 24/10/2017, B bị bắt theo quyết định truy nã. Qua quá trình làm việc, B đã thừa nhận hành vi như trên.

Tại bản kết luận số 48/KL-DDG ngày 11/9/2008 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi, kết luận giá trị tài sản của anh Trần Văn Đ như sau: 01 võ Composite, hiệu “Quốc Dũng”, dài 9,2m còn 80% giá trị sử dụng là 5.920.000đ; 01 máy thủy Yamaha 3T72 còn 70% giá trị sử dụng là 8.750.000đ; 01 bình ắc qui 70A còn 55% giá trị sử dụng là 539.000đ; 02 cây đèn pin không định giá được; Tổng giá trị là 15.209.000đ.

Vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại mà B đã sử dụng không thu giữ được. Còn các vật chứng khác đã được xử lý tại bản án số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tại Cáo trạng số 38/KSĐT-KT ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố Trương Lục B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trương Lục B hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Đầm Dơi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự xử bị cáo B về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Lục B từ 04 đến 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị cáo Y và Đ đồng ý bồi thường cho anh Đ số tiền 20.000.000đ. Nay Y và Đ không yêu cầu bị cáo B phải liên đới chịu khoản tiền bồi thường của anh Đ, đồng thời anh Đ cũng không yêu cầu bị cáo B bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại mà B đã sử dụng không thu giữ được. Còn các vật chứng khác đã được xử lý tại bản án số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về xử lý vật chứng.

- Đối với hành vi của Nguyễn Hoàng Y và Trương Văn Đ đã được xét xử xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đối với Võ Hoàng G có tham gia cùng với B, Đ và Y trong quá trình đi tiêu thụ vũ, máy. Tuy nhiên, G không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi không xử lý đối với G là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Lục B hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố, cụ thể: Khoảng 22 giờ ngày 01/3/2008, tại ấp TH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau Trương Lục B mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng B đã có sự cấu kết với Nguyễn Hoàng Y để thực hiện hành vi trộm cắp 01 vũ

Composite, hiệu “*Quốc Dũng*”, dài 9,2m; 01 máy xe Yamaha loại 3T72; 01 bình ắc qui 70A và 02 cây đèn pin của anh Trần Văn Đ, tổng giá trị tài sản trộm được là 15.209.000đ. Lời thừa nhận của bị cáo B phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Y, Đ, người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố bị cáo Trương Lục B về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét vai trò của bị cáo B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo B mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo B đã có sự cấu kết với Y để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đ. Do đó, bị cáo B chỉ là đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Hoàng Y. Giá trị tài sản mà bị cáo B trực tiếp thu lợi bất chính chỉ 2.000.000đ, số tiền còn lại 2.000.000đ thì Y, Đ và B dùng làm chi phí và cùng nhau tiêu xài.

Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ, không thích lao động để tự tạo ra tài sản, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc, đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhằm để răn đe và có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tác động gia đình khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ đó Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi bị cáo Y và Đ đồng ý bồi thường cho anh Đ số tiền 20.000.000đ. Nay Y và Đ không yêu cầu bị cáo B phải liên đới chịu khoản tiền bồi thường của anh Đ, đồng thời anh Đ cũng không yêu cầu bị cáo B bồi thường. Còn đối với ông H thì ông cũng không yêu cầu bị cáo B trả lại cho ông khoản tiền ông đã thay bị cáo khắc phục hậu quả cho anh Đ.

Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại mà B đã sử dụng không thu giữ được. Còn các vật chứng khác đã được xử lý tại bản án số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về xử lý vật chứng.

- Đối với hành vi của Nguyễn Hoàng Y và Trương Văn Đ đã được xét xử xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST ngày 13/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đối với Võ Hoàng G có tham gia cùng với B, Đ và Y trong quá trình đi tiêu thụ vũ, máy. Tuy nhiên, G không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi không xử lý đối với G là có căn cứ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Lục B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Lục B 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 25/10/2017.

Áp dụng: Điều 98; Điều 99; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Lục B phải chịu 200.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo B, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ, anh Y, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh